TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-PT
Ngày 29 tháng 01 năm 2026
V/v: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn*".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Ông Bùi Đức Xuân

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy

Bà Nguyễn Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Đức C - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 06/2025/TLPT-DS ngày 01/10/2025về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản khi ly hôn".*

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2025/HNGĐ-ST ngày 29/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu (nay là thành phố C) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3874/2026/QĐPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Thạch Phi R**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp G, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; (nay là Ấp G, phường H, tỉnh Cà Mau). (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đậu Thị Q, sinh năm 1989; Giám đốc Công ty L4. Địa chỉ: Số A, Đường C, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà **Lâm Thị Tuyết L**, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; (nay là ấp C, xã H, tỉnh Cà Mau, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Hoàng N, Luật sư Công ty L5 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B, (nay là tỉnh Cà Mau), (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Lâm L1, sinh năm 1982; Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, (nay là ấp C, xã H, tỉnh Cà Mau) (vắng mặt).

2. Ông Lâm R1, sinh năm 1957 (vắng mặt);

3. Bà Tăng Thị Ú, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; Chỗ ở hiện nay: 133, Powell St L2, MA 01851_4233, USA.

4. Bà Trần Thanh N1, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số C, Khóm B, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng, (nay là số C, Khóm B, Phường V, thành phố Cần Thơ) (vắng mặt).

5. Ngân hàng N4; Trụ sở: Số B L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội; *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Phạm Toàn V - Tổng Giám đốc; *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Nguyễn Thanh N2 - Giám đốc Chi nhánh huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Người được ủy quyền lại: Ông Trương Hoàng T – Phó Giám đốc Chi nhánh huyện V, Bạc Liêu (vắng mặt - xin xét xử vắng măt).

6. Ông Thạch P, (vắng mặt);

7. Bà Tăng Thị L3, (vắng mặt);

Cùng đỉa chỉ: Ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; (nay là ấp C, xã H, tỉnh Cà Mau).

8. Ngân hàng C1; Trụ sở: Số A, phố L, phường H, quận H, Hà Nội; *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Dương Quyết T1 – Tổng Giám đốc; *Người đại diện theo ủy quyền*: Bà Phạm Ánh N3 – Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C1, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Lâm Thị Tuyết L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 07/02/2023, đơn bổ sung khởi kiện ngày 10/02/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Thạch Phi R là nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền tại Tòa án cấp sơ thẩm là bà Hồ Huỳnh Tố H trình bày:*

Ông và bà Lâm Thị Tuyết L kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung, ông và bà L phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, bà L không chung thủy. Vợ chồng có 01 con chung tên Thạch Trường A (sinh ngày 06/4/2012), hiện đang sống với bà L. Ông yêu cầu được ly hôn với bà L, yêu cầu được nuôi con chung tên A, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Nếu cháu A có nguyện vọng muốn sống chung với bà L thì ông đồng ý, ông cấp dưỡng nuôi con theo quy định của

pháp luật. Tài sản chung gồm: 5,8 công đất nông nghiệp tại ấp Đ, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, 01 căn nhà cấp 4, ngang 6m, dài 22m, cất trên đất của cha mẹ vợ là ông Lâm R1, bà Tăng Thị Ú tại ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, giá trị xây dựng 750.000.000 đồng; 01 chiếc xe SH mode, trị giá 65.000.000 đồng, 01 nền nhà ngang 09m dài 20m. Tất cả những tài sản này hiện do bà L quản lý, sử dụng, do ông thường xuyên đi làm ăn xa. Ông yêu cầu được nhận 60% giá trị tài sản, bà L nhận 40% giá trị tài sản, vì toàn bộ tài sản trên do ông tạo dựng, bà L chỉ ở nhà nội trợ. Ông yêu cầu nhận hiện vật là 5,8 công đất và căn nhà, đồng ý bà L được quyền sử dụng và sở hữu xe SH mode; nợ chung không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Ông rút lại yêu cầu chia tài sản chung là 01 nền nhà chiều ngang 09m, chiều dài 20m và nền nhà của ông R1, bà Ú đang đứng tên quyền sử dụng đất, tại ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Bà Hồ Huỳnh Tố H là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn về tài sản trình bày: Đề nghị chấp nhận toàn bộ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần tài sản.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Lâm Thị Tuyết L trình bày:*

Thống nhất với ông R về quá trình kết hôn, chung sống, con chung. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như ông R trình bày là không đúng, chỉ do ông R ghen tuông vô cớ. Bà không đồng ý ly hôn, vì chị muốn con của bà luôn có cha và mẹ. Tài sản chung 5,8 công đất nông nghiệp tại ấp Đ, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; 01 căn nhà cấp 4, ngang 6m, dài 22m, cất trên đất của cha mẹ chị là ông Lâm R1, bà Tăng Thị Ú tại ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu, giá trị xây dựng 750.000.000 đồng; 01 chiếc xe SH mode; bà yêu cầu được nhận hiện vật, hoàn lại cho ông R 50% giá trị. Nợ chung: Nợ ông R1 và bà Ú 5.000USD, chị Trần Thanh N1 100.000.000 đồng, Ngân hàng N4 70.000.000 đồng, mục đích vay, mượn để cất nhà và mua sắm vật dụng gia đình, nợ Ngân hàng Chính sách xã hội 50.000.000 đồng. Các khoản nợ chung này, bà yêu cầu ông R có trách nhiệm trả 50%.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Theo đơn yêu cầu độc lập, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng N4 (sau đây viết tắt là Ngân hàng N4) trình bày: Ngày 17/01/2023 và ngày 09/01/2024, Ngân hàng và bà Lâm Thị Tuyết L có ký kết hợp đồng tín dụng cho bà L vay 70.000.000 đồng, mục đích vay mua sắm tiêu dùng, sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi; thời hạn trả nợ ngày 10/01/2026. Khi vay vốn, bà L giao cho Ngân hàng Nông nghiệp - Chi nhánh V giữ hộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*sau đây viết tắt là GCNQSDĐ*) số CN 612862 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Thạch Phi R và bà Lâm Thị Tuyết L diện tích 3.630m^2, đất chuyên trồng lúa nước. Nay, bà L và ông R ly hôn, Ngân hàng yêu cầu ông, bà phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tiền vay còn nợ lại 48.701.116 đồng và lãi suất phát sinh (từ ngày 24/5/2025) theo hợp đồng tín dụng đã ký.

Ngân hàng C1 trình bày: Ngày 20/12/2023, Ngân hàng có cho bà Lâm Thị Tuyết L vay 50.000.000 đồng; thời hạn trả 20/4/2027. Đến thời điểm hiện tại, bà L chưa vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng. Ngân hàng C1 không có yêu cầu gì trong vụ án ly hôn giữa ông R và bà L. Nếu sau này phát sinh tranh chấp, Ngân hàng C1 sẽ khởi kiện một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Bà Trần Thanh N1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà Lâm Thị Tuyết L có mượn của bà 100.000.000 đồng để xây dựng nhà, bà yêu cầu bà L và ông R cùng có trách nhiệm trả cho bà 100.000.000 đồng.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 29/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu (nay là tỉnh Cà Mau), đã quyết định:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Thạch Phi R đối với chị Lâm Thị Tuyết L. Cho ly hôn giữa anh Thạch Phi R và chị Lâm Thị Tuyết L.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu Thạch Trường A (sinh ngày 06/4/2012) cho chị Lâm Thị Tuyết L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng (cháu A đang sống cùng chị L).

2.2. Anh Thạch Phi R không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Thạch Phi R có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Thạch Trường A 2.205.000 đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 6/2025 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

3. Về chia tài sản: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Thạch Phi R.

3.1. Về tài sản chung:

- Anh Thạch Phi R được quyền sử dụng đất thuộc thửa 315, theo bản đồ chính quy năm 2019, do anh Thạch Phi R và chị Lâm Thị Tuyết L đứng tên GCNQSDĐ diện tích 3.513m^2. Hiện trạng đất trồng lúa nước, do chị L quản lý, sử dụng.

- Chị Lâm Thị Tuyết L được quyền sử dụng đất thửa 352, theo bản đồ chính quy năm 2019, do anh Thạch Phi R và chị Lâm Thị Tuyết L đứng tên GCNQSDĐ diện tích 3.964,8m^2. Hiện trạng đất trồng lúa nước, do chị L quản lý, sử dụng.

(Quyền sử dụng đất của anh R và chị L theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/5/2023 của Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu; trích đo phần đất tranh chấp ngày 16/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện V)

- Anh Thạch Phi R, chị Lâm Thị Tuyết L được quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với diện tích được quyền sử dụng tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

- Chị Lâm Thị Tuyết L được quyền sở hữu: Căn nhà chính, diện tích 6,5m x 16,3m + 1,25m x 3,5m = 110,32m^2, có kết cấu: móng khung sườn bê tông cốt thép, vách tường xây, nền gạch men, trần la phong, mái tole thiết, nhà loại IV.42; mái che bên hông nhà chính, diện tích 1,25m x 12,8m = 16m^2, kết cấu: Khung sườn thép, mái thiết, nền gạch men; nền gạch men, diện tích 1,25m x 12,8m + 3,7m x 7,25m = 42,82m^2; hàng rào: Cột bê tông, tường xây từ 0,4m đến 0,8m, trên khung lưới B40, dài 7,25m, cao 1,8m. Hiện do chị L quản lý, sử dụng cùng cháu A.

(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/7/2023 của Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu; trích đo phần đất tranh chấp ngày 16/8/2023).

- Chị Lâm Thị Tuyết L được quyền sở hữu chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH mode, biển số kiểm soát 94K2-134.39 do chị đứng tên giấy đăng ký xe (hiện do chị L đang quản lý, sử dụng).

- Buộc chị Lâm Thị Tuyết L hoàn trả cho anh Thạch Phi R 394.924.000 đồng.

3.2. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N4.

- Buộc anh Thạch Phi R và chị Lâm Thị Tuyết L mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N4 24.350.558 đồng (trong đó, chị L và anh R mỗi người trả nợ gốc 23.475.000 đồng, lãi 875.558 đồng).

5. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thạch Phi R về việc chia tài sản chung đối với diện tích đất 155m^2 và 179,7m^2, địa chỉ thửa đất tại ấp C, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/7/2023 của Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu; trích đo phần đất tranh chấp ngày 16/8/2023)

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, lãi xuất do chậm thi hành án, về án phí, các quyền theo Luật Thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/6/2025, bà Lâm Thị Tuyết L kháng cáo một phần án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm với nội dung:

+ Buộc ông Thạch Phi R nhận lại căn nhà cấp IV và 01 xe honda hiệu SH Mode, ông Thạch Phi R trả lại giá trị cho bà.

+ Giao thửa đất số 315 tờ bản đồ số 6 diện tích 3.513m^2 cho bà, bà trả lại giá trị cho ông Thạch Phi R.

+ Yêu cầu ông Thạch Phi R cùng bà có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C1 số tiền 50.000.000 đồng, mỗi người phải trả ½

nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L thay đổi nội dung kháng cáo như sau:

+ Bà L rút yêu cầu kháng cáo về việc buộc ông Thạch Phi R nhận lại căn nhà cấp IV và yêu cầu kháng cáo về việc buộc ông R giao thửa đất số 315 tờ bản đồ số 6 diện tích 3.513m^2 cho bà, bà trả lại giá trị cho ông Thạch Phi R.

+ Riêng đối với giá trị xe honda S bản án sơ thẩm đã tuyên buộc bà phải giao cho ông R số tiền 32.500.000 đồng, bà và ông R đã thỏa thuận bà không phải trả số tiền này và cấn trừ số tiền ông R phải cấp dưỡng nuôi cháu A từ tháng 6/2025 đến thời điểm xét xử phúc thẩm là tháng 01/2026, ông R tiếp tục có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu A số tiền như bản án sơ thẩm đã tuyên tính từ tháng 02/2026 trở đi đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

+ Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo việc ông R cùng bà có trách nhiệm trả cho Ngân hàng C1.

Luật sư Lê Hoàng N đề nghị công nhận thỏa thuận của bà L và ông R đối với xe honda S, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L đối với số nợ của Ngân hàng C1.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đậu Thị Q đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm công nhận thỏa thuận giữa ông R và bà L về việc cấn trừ giá trị xe honda SH Mode và tiền cấp dưỡng nuôi con tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm. Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà L đối với số nợ của Ngân hàng C1.

Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo của bà L đã rút yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xử xử đình chỉ giải quyết. Đề nghị công nhận sự thỏa thuận giữa bà L và ông R về việc cấn trừ giá trị xe honda SH Mode với tiền cấp dưỡng nuôi con là cháu A tính đến thời điểm xét xử là tháng 01/2026.

Đối với tiền nợ Ngân hàng C1 bà L vay 50.000.000 đồng, thời hạn trả 20/4/2027. Do bà L chưa vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng, Ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án ly hôn giữa ông R và bà L. Nếu sau này phát sinh tranh chấp, Ngân hàng sẽ khởi kiện một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu. Bà L vay Ngân hàng Chính sách xã hội không có thế chấp tài sản, Ngân hàng là chủ nợ chưa có yêu cầu giải quyết nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết trong vụ án này là đúng theo quy định của pháp luật, nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Lâm Thị Tuyết L làm trong hạn luật định và hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26, 34, 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung kháng cáo của bà Lâm Thị Tuyết L:

[2.1] Về nội dung yêu cầu ông Thạch Phi R cùng bà có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C1 số tiền 50.000.000 đồng, mỗi người phải trả ½ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng.

Ngày 20/12/2023, Ngân hàng C1 xã hội có cho bà L vay 50.000.000 đồng; thời hạn trả 20/4/2027. Đến thời điểm hiện tại, bà L chưa vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng. Ngân hàng C1 không có yêu cầu gì trong vụ án ly hôn giữa ông R và bà L. Nếu sau này phát sinh tranh chấp, Ngân hàng sẽ khởi kiện một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu. Do bà L vay Ngân hàng Chính sách xã hội không có thế chấp tài sản, Ngân hàng là chủ nợ chưa có yêu cầu giải quyết nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết trong vụ án này là đúng theo quy định của pháp luật.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L và người đại diện theo ủy quyền của ông R là bà Đậu Thị Q thỏa thuận:

Đối với xe honda S bản án sơ thẩm đã tuyên buộc bà L phải giao ½ giá trị xe cho ông R số tiền 32.500.000 đồng, bà L và ông R tự nguyên thỏa thuận bà L không phải trả số tiền này, cấn trừ số tiền ông R phải cấp dưỡng nuôi cháu A từ tháng 6/2025 đến thời điểm xét xử phúc thẩm là tháng 01/2026, ông R tiếp tục có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu A số tiền 2.205.000 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên, tính từ tháng 02/2026 trở đi đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Xét thấy nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

Như vậy, theo bản án sơ thẩm bà L phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông R số tiền 394.924.000 đồng. Tại cấp phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận cấn trừ số tiền giá trị xe honda SH Mode là 32.500.000 đồng nên bà L chỉ phải hoàn trả cho ông R 394.924.000 đồng - 32.500.000 đồng = 362.424.000 đồng.

[2.3] Đối với phần tài sản chung còn lại (trừ xe honda SH Mode) thì tại phiên tòa bà L đã rút yêu cầu kháng cáo. Nên, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử

phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo này của bà L. Quyết định của bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung (trừ trừ xe honda SH Mode) có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: Bà L không phải phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lâm Thị Tuyết L đối với yêu cầu ông Thạch Phi R cùng bà có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C1 số tiền 50.000.000 đồng, mỗi người phải trả ½ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà L về chia tài sản chung (trừ yêu cầu kháng cáo đối với xe trừ xe honda SH Mode). Phần quyết định của Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2025/HNGĐ-ST ngày 29/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu (nay là tỉnh Cà Mau) về chia tài sản chung (trừ yêu cầu kháng cáo đối với xe trừ xe honda SH Mode) có hiệu lực pháp luật.

3. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Thạch Phi R và bà Lâm Tuyết L như sau:

- Đối với xe honda S bản án sơ thẩm đã tuyên buộc bà Lâm Thị Tuyết L phải giao ½ giá trị xe cho ông R số tiền 32.500.000 đồng, bà Lâm Thị Tuyết L và ông Thạch Phi R tự nguyện thỏa thuận: bà L không phải trả số tiền 32.500.000 đồng này cho ông R, cấn trừ số tiền ông R phải cấp dưỡng nuôi cháu A từ tháng 6/2025 đến thời điểm xét xử phúc thẩm là tháng 01/2026, ông R có trách nhiệm tiếp tục cấp dưỡng cho cháu A số tiền 2.205.000 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên, tính từ tháng 02/2026 trở đi đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

- Bà Lâm Thị Tuyết L được quyền sở hữu chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH mode, biển số kiểm soát 94K2-134.39 do bà L đứng tên giấy đăng ký xe (hiện do bà L đang quản lý, sử dụng).

- Buộc bà Lâm Thị Tuyết L hoàn trả cho ông Thạch Phi R 362.424.000 đồng.

4. Án phí: Bà Lâm Thị Tuyết L không phải nộp án phí phúc thẩm dân sự. Trả lại cho bà L số tiền đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0000818 ngày 18/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc

Liêu.

5. Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại TPHCM;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau ;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự (10);
- Lưu VT (5), HS (2) 22B (BA09).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Xuân